

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2019/HS-PT
Ngày: 31/7/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Đặng Hồng Sơn.
2. Ông Phạm Viết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 222/2019/HSPT ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 77/2019/HSST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thọ Thanh B; sinh năm 1977; giới tính: Nam; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 276 TP, Phường 8, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: chạy xe ôm; con ông Phạm Văn a (chết) và bà Trần Thị b (chết); vợ: Phan Bích c, sinh năm 1981; con: có 01 con, sinh năm 2002; tiền sự: Không.

- Tiền án: Ngày 14/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 253/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2017, chưa đóng tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và hình phạt bổ sung 5.000.000 đồng;

- Nhân thân: Ngày 23/01/1995, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” tại

bản án số 23/HSST. Ngày 07/8/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” tại bản án số 190/HSST. Ngày 19/7/1999, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại bản án số 209/HSST.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/11/2018 - Có mặt.

2. Nguyễn Văn P; sinh năm 1996; giới tính: Nam; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKKHKT: A15/1 ấp 1A, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A5/38A ấp 1A, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông Nguyễn Trọng d, sinh năm 1973 và bà Phan Thị e, sinh năm 1975; Vợ: Nguyễn Thị f, sinh năm 1995; con: có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 19/11/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

- Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H; sinh năm 1979; giới tính: Nam; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 533/56 PVC, Phường 7, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B8A/6 tổ 17, ấp 2A, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn g, sinh năm 1962 và bà Tống Thị Hồng h, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị Kim i, sinh năm 1980; con: có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Ngày 24/12/2002, bị Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, (Án số 367/HSST) chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2005; Án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung được miễn theo Quyết định số 33/QĐ-MTHA-ST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/11/2018 (Có mặt).

4. Nguyễn Thành L; sinh năm 1970; giới tính: Nam; tại: Sài Gòn; nơi ĐKKHKT: 205/76/1 AC, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp 4, xã ĐHĐ, huyện ĐH, tỉnh LA; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Thành k, sinh năm 1948 và bà Đặng Thị Kim l, sinh năm 1948; vợ: Trần Thị Bích m, sinh năm 1972 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 14/7/2008, bị Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (Án số 150/2008/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2009, đóng án phí ngày 31/3/2009.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/11/2018 (Có mặt).

5. Nguyễn Ngọc C (tên gọi khác: C bánh tét); sinh năm 1980; giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Hậu Giang; nơi ĐKKHKT: A8/25 ấp 1A, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số thuộc tổ 8, ấp 1A, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm thuê; cha: không rõ; con bà Nguyễn Thị o (chết); vợ: Phan Thị p, sinh năm 1981; con: có 02 người con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 19/11/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. Trương Hoài N (tên gọi khác: Kình); sinh năm 1982; giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: A8/23D ấp 1B, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A9/12 ấp 1, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông Trương Văn q, sinh năm 1955 và bà Lai Thị R, sinh năm 1957; vợ: Trần Thị Hồng s, sinh năm 1992; con: có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 19/11/2018 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 10/11/2018, Công an xã VL, huyện BC bắt quả tang Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L đang tham gia lặc tài xỉu ăn tiền tại trước nhà không số tổ 7, ấp 1, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Công an đưa NNT, DTMT, ĐDC, LSH và ĐTT đang có mặt tại sòng bài về trụ sở làm việc.

Kết quả điều tra xác định: Vào khoảng tháng 8/2018, HTHA bắt đầu tổ chức cho các con bạc tham gia lặc tài xỉu ăn tiền tại nhà không số thuộc tổ 7, ấp 1, xã VL, huyện BC để lấy tiền xâu. HA chuẩn bị bàn, ghế, chén, đĩa và hột xí ngầu cho các con bạc. Ngoài ra, HA còn thuê NNT cảnh giới Công an để các con bạc tham gia lặc tài xỉu ăn tiền, HA sẽ trả tiền công cho NNT sau khi sòng bạc kết thúc. Khoảng 11h00' ngày 10/11/2018, HA đã tổ chức cho các con bạc tham gia lặc tài xỉu ăn tiền để lấy tiền xâu. Đến khoảng 20h10' cùng ngày, khi các con bạc đang tham gia lặc tài xỉu ăn tiền thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang như trên.

Hành vi đánh bạc của các con bạc được xác định như sau:

1. Phạm Thọ Thanh B: Khoảng 18h00' ngày 10/11/2018, B đến sòng bạc do HA tổ chức và tham gia chơi lặc tài xỉu ăn tiền, B tham gia làm cái được vài ván

thì Nguyễn Văn P đến. Lúc này, B và P hùn nhau mỗi người 6.700.000 đồng để làm cái chung. Hình thức chơi như sau: B và P bỏ 03 hột xí ngầu vào 01 cái đĩa rồi dùng chén úp lại và lắc. Sau khi lắc xong, nếu mặt trên của 03 hột xí ngầu cộng lại từ 10 nút trở xuống là xỉu, còn 11 nút trở lên là tài. Các con bạc tham gia đặt tiền bao nhiêu cũng được để ăn thua trực tiếp với nhà cái. P có nhiệm vụ thu tiền và chung tiền cho các con bạc, còn B làm nhiệm vụ lắc tài, xỉu và làm cái được 07 ván. Đến ván thứ 7, các con bạc đặt bên xỉu gồm: NNC đặt 1.000.000 đồng; Trương Hoài N đặt 5.000.000 đồng; Nguyễn Văn H đặt 50.000 đồng; các con bạc đặt bên tài gồm: Nguyễn Thành L đặt 200.000 đồng và 01 số người khác (không xác được lai lịch) tham gia đặt tiền tổng cộng 5.650.000 đồng. B lắc hột xí ngầu thì ván này 11 nút là tài. P thu và chung tiền cho các con bạc thì nhà cái lời được 400.000 đồng. Tổng cộng, đến lúc này, B và P thắng được 14.250.000 đồng. Khi B chuẩn bị chơi ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ của B và P số tiền 27.650.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

2. Nguyễn Văn P: Khoảng 18h50' 10/11/2018, P đến sông bạc và đem theo 6.700.000 đồng sử dụng đánh bài. P hùn với B mỗi người 6.700.000 đồng để làm cái chung được 07 ván thì thắng được 14.250.000 đồng. Chuẩn bị chơi ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang như trên.

3. Nguyễn Ngọc C: Khoảng 19h10' ngày 10/11/2018, C đi đến sông bạc và đem theo 35.500.000 đồng, sử dụng 7.000.000 đồng để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái, C tham gia đặt tụ 04 ván thì thắng được 4.000.000 đồng. Đến ván thứ 5, C đặt tụ bên xỉu 1.000.000 đồng. B lắc xí ngầu thì 11 nút là tài nên thua tiền. C chuẩn bị chơi ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ của C số tiền 38.500.000 đồng, trong đó sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc.

4. Trương Hoài N: Khoảng 18h30' ngày 10/11/2018, N đến sông bạc và đem theo 21.080.000 đồng, sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái, N đặt tụ 02 ván thì thua 3.000.000 đồng nên tạm ngưng ngồi xem. Đến khoảng 20h10' phút cùng ngày, N tiếp tục tham gia đặt tụ bên xỉu 5.000.000 đồng và bị thua. N chuẩn bị chơi ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ của N số tiền 13.080.000 đồng. Trong đó, có 2.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

5. Nguyễn Văn H: Khoảng 19h00' ngày 10/11/2018, H đi đến sông bạc và đem theo 3.129.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái, H đặt tụ bên xỉu 50.000 đồng. B lắc xí ngầu thì 11 nút là tài nên H thua tiền. Ngay lúc này thì Công an bắt quả tang, thu giữ của H số tiền 3.079.000 đồng, không sử dụng để đánh bạc.

6. Nguyễn Thành L: Khoảng 18h30' ngày 10/11/2018, L đến sông bạc và đem theo 3.500.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái, L đặt tụ 04 ván và thắng được 800.000 đồng nên tạm nghỉ, ngồi xem. Đến ván thứ 5, L tiếp tục đặt tụ bên tài 200.000 đồng. B lắc xí ngầu thì 11 nút là tài nên

ăn tiền. L chuẩn bị chơi ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền 4.500.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn xác định được hành vi vi phạm của các đối tượng khác:

1/DTMT: Khoảng 18h30' ngày 10/11/2018, DTMT đến sông bạc và đem theo 7.800.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái, DTMT đặt 04 ván và thua 300.000 đồng nên nghỉ ngồi xem. Đến khoảng 20h10' thì Công an bắt quả tang sông bạc nên mời DTMT về làm việc.

2/ĐDC: Khoảng 19h00' ngày 10/11/2018, DDC đi đến sông bạc và đem theo 2.250.000 đồng. Sau khi chơi và thua 300.000 đồng thì C nghỉ ra về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, DDC quay lại sông bạc xem thì Công an bắt quả tang sông bạc nên mời về làm việc.

3/LHS: Khoảng 20h00' ngày 10/11/2018, LHS đi đến sông bạc và đem theo 10.540.000 đồng. LHS gặp ĐTT thì được ĐTT trả nợ 1.000.000 đồng nên LHS sử dụng số tiền 1.000.000 đồng này để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái nhưng LHS không tham gia đặt tụ ăn thua với nhà cái mà trực tiếp tham gia cá cược với ĐTT 03 ván và ăn được 100.000 đồng. Khi LHS đang chuẩn bị cá cược với ĐTT thì Công an bắt quả tang và thu giữ số tiền 11.640.000 đồng, trong đó sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc.

4/ĐTT: Khoảng 20h00' ngày 10/11/2018, ĐTT đi đến sông bạc và đem theo 1.438.000 đồng. ĐTT trả nợ cho LHS 1.000.000 đồng, còn 438.000 đồng thì sử dụng để đánh bạc. Lúc này, B và P đang hùn nhau làm cái nhưng ĐTT không tham gia đặt tụ để ăn thua với nhà cái mà trực tiếp tham gia cá cược với LHS 03 ván và thua hết 100.000 đồng. ĐTT chuẩn bị cá cược với LHS thì Công an bắt quả tang và thu giữ số tiền 38.000 đồng, riêng số tiền 300.000 đồng ĐTT làm rơi mất.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền dùng để đánh bạc đối với từng bị cáo như sau:

- Phạm Thọ Thanh B và Nguyễn Văn P là: 500.000 đồng (thu trên cH bạc) + 27.650.000 đồng (tiền của P và B hùn nhau) + 5.138.000 đồng (của B) + 10.000.000 đồng (của C) + 2.000.000 đồng (của N) + 4.500.000 đồng (của L) = 49.788.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc C là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) + 10.000.000 đồng (của C) = 42.788.000 đồng.

- Trương Hoài N là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) + 2.000.000 đồng (của N) = 34.788.000 đồng.

- Nguyễn Văn H là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) = 32.788.000 đồng.

- Nguyễn Thành L là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) + 4.500.000 đồng (của L) = 37.288.000 đồng.

Đối với LHS và ĐTT là: 1.100.000 đồng (của Sơn) + 338.000 đồng (của Thu) = 1.438.000 đồng.

Riêng DTMT và ĐDC thời điểm Công an bắt quả tang không tham gia nên không xác định được số tiền dùng để đánh bạc.

Đối với NNT không trực tiếp chơi lắc tài, xỉu ăn tiền. Tuy nhiên, NNT được HTHA thuê cảnh giới Công an và được hưởng tiền công, tạo điều kiện cho sòng bài hoạt động nên hành vi của HA và NNT là đồng phạm với các con bạc khác về tội “Đánh bạc”.

+Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Thu giữ trên chiếu bạc gồm: 01 cái đĩa, 01 cái chén bằng nhựa, 03 hột xí ngầu, 01 mặt bàn và số tiền 500.000 đồng.

- Thu giữ của Phạm Thọ Thanh B gồm: số tiền 15.138.000 đồng, sử dụng 5.138.000 đồng để đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 xe mô tô biển số 84L1-413.xx, qua xác minh do anh TVC đăng ký sở hữu và đã bán cho người khác không rõ lai lịch vào năm 2018. Bị cáo B khai mua xe này tại một tiệm cầm đồ (không rõ địa chỉ) để làm phương tiện. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có ai liên hệ để làm việc.

- Thu giữ của Nguyễn Văn P gồm: số tiền 27.650.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng trắng và 01 điện thoại di động Iphone X màu đen.

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc C gồm: số tiền 38.500.000 đồng, sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F.

- Thu giữ của Nguyễn Văn H gồm: số tiền 3.079.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc; 01 điện thoại di động Nokia; 01 xe mô tô biển số 59K1-695.29, qua xác minh do bị cáo H đăng ký sở hữu để làm phương tiện.

- Thu giữ của Nguyễn Thành L gồm: số tiền 4.500.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc; 01 điện thoại di động Nokia màu trắng; 01 xe mô tô biển số 62F6-25xx, qua xác minh do anh TNT đăng ký sở hữu đến năm 2001 thì bán lại cho người khác không rõ lai lịch. Bị cáo L khai xe này do một người bạn tên “Phát” cho để làm phương tiện. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có ai liên hệ để làm việc.

- Thu giữ của Trương Hoài N gồm: số tiền 13.080.000 đồng, sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng.

- Thu giữ của NNT gồm: số tiền 6.617.000 đồng, sử dụng để tiêu xài; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 xe mô tô biển số 59N3-061.xx, qua xác minh do anh LCE đăng ký sở hữu. Ngày 10/11/2018, anh LCE cho NNT mượn

xe này làm phương tiện và không biết NNT sử dụng xe làm phương tiện đi đến sông bãi để cảnh giới. Cơ quan điều tra đã trả xe này cho anh CE (BL 588).

- Thu giữ của DTMT gồm: số tiền 7.500.000 đồng, không sử dụng để đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho DTMT (BL 586); 01 điện thoại di động Iphone 7 màu Gold.

- Thu giữ của ĐDC số tiền 50.000 đồng, sử dụng để đánh bạc.

- Thu giữ của ĐTT số tiền 38.000 đồng, sử dụng để đánh bạc.

- Thu giữ của LHS gồm: số tiền 11.640.000 đồng, sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Sơn số tiền 10.540.000 đồng (BL 587); 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Sơn vì không sử dụng vào việc phạm tội (BL 587).

Trong các vật chứng nêu trên, Cơ quan điều tra đã trả cho Nguyễn Thị G (dì của bị cáo Nguyễn Ngọc C) số tiền 28.500.000 đồng; trả cho DTMT số tiền 7.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu gold; trả cho Lư Hải Sơn số tiền 10.540.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen (BL 585-587).

Số tiền còn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước huyện BC theo biên lai nộp tiền ngày 28/01/2019 (BL 589). Số vật chứng còn lại, Viện kiểm sát nhân dân huyện BC đã ra Quyết định chuyển vật chứng đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC tạm giữ chờ xử lý.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC, Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L, NNT đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung nêu trên, lời khai này phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 77/2019/HSST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L và NNT phạm tội “Đánh bạc”.

+Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Phạm Thọ Thanh B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018.

- Buộc bị cáo Phạm Thọ Thanh B nộp phạt số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 10/11/2018 đến ngày 19/11/2018.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P nộp phạt số tiền 30.000.000 đồng (ba Mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 10/11/2018.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 10/11/2018.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành L nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính ngày bắt vào chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 10/11/2018 đến ngày 19/11/2018.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trương Hoài N 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 10/11/2018 đến ngày 19/11/2018.

- Buộc bị cáo Trương Hoài N nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 24/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 26/4/2019, các bị cáo Phạm Thọ Thanh B và Nguyễn Thành L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 02/5/2019, các bị cáo Trương Hoài N, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Thành L, Trương Hoài N, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng như các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đều kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Xét về nội dung kháng cáo, các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, và các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; nhưng tại phiên tòa, không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới để được xem xét. Về nhân thân bị cáo B phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhiều lần bị xét xử về các tội do cố ý; các bị cáo H và L đều từng bị xét xử về tội do cố ý, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Do đó, mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, là lao động chính nuôi dưỡng các con còn nhỏ và bản thân đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, mong muốn nhận được mức án khoan hồng giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo để có cơ hội chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền của mình cùng đồng phạm, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng); cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tổ tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20h10' ngày 10/11/2018, trong lúc các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền tại sòng bạc do HTHA tổ chức trước nhà không số thuộc tổ 7, ấp 1, xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, và trả công để thuê NNT canh giới Công an; thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng toàn bộ vật chứng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, có cơ sở xác định số tiền các bị cáo dùng đánh bạc (bao gồm: số tiền bị thu giữ tại cH bạc và thu trên người nhằm mục đích để đánh bạc) cụ thể như sau:

- Phạm Thọ Thanh B và Nguyễn Văn P là: 500.000 đồng (thu trên cH bạc) + 27.650.000 đồng (tiền của P và B hùn nhau) + 5.138.000 đồng (của B) + 10.000.000 đồng (của C) + 2.000.000 đồng (của N) + 4.500.000 đồng (của L) = 49.788.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc C là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) + 10.000.000 đồng (của C) = 42.788.000 đồng.

- Trương Hoài N là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) + 2.000.000 đồng (của N) = 34.788.000 đồng.

- Nguyễn Văn H là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) = 32.788.000 đồng.

- Nguyễn Thành L là: 27.650.000 đồng (tiền của P và B) + 5.138.000 đồng (của B) + 4.500.000 đồng (của L) = 37.288.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L là nguy hiểm cho xã hội, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Xét, các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L đã phạm tội thuộc trường hợp

đồng phạm với số tiền dùng đánh bạc có trị giá “từ năm triệu đồng đến dưới 50.000.000 đồng”, là tình tiết định khung hình phạt.

Như vậy, với số tiền dùng đánh bạc và hành vi của các bị cáo nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét về hình thức: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo; ngày 26/4/2019, các bị cáo Phạm Thọ Thanh B và Nguyễn Thành L có đơn kháng cáo; và ngày 02/5/2019, các bị cáo Trương Hoài N, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc C có đơn kháng cáo; là làm trong thời hạn luật định và hợp pháp theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo của các bị cáo: Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo đồng phạm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trừ các bị cáo B và NNT); gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, khó khăn; bị cáo BCó cha được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3; bị cáo H đang mắc bệnh HIV; để áp dụng các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo P, L, H, C; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo B và Tuấn; là có thiếu sót, chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L đều đã bị xét xử về các tội do cố ý, mặc dù các lần phạm tội này đã được đương nhiên xóa án tích nên không coi là tiền án để tính tái phạm, tái phạm nguy hiểm; nhưng lần phạm tội này của các bị cáo không coi là phạm tội lần đầu để cho các bị cáo hưởng tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo H và L. Ngoài ra, các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) mới phù hợp với quy định của pháp luật như phần nhận định của cấp sơ thẩm.

Mặc dù có sai sót nêu trên nhưng mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử hình phạt: bị cáo Phạm Thọ Thanh B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn P mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trương Hoài N mức án 01 (một) năm tù; là thỏa đáng, đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất, mức độ phạm tội và

nhân thân của bị cáo; mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Xét, các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới để được xem xét, các tình tiết các bị cáo nêu ra đã được cấp sơ thẩm xem xét đánh giá toàn diện, đầy đủ và phù hợp quy định của pháp luật khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L nên giữ nguyên bản án sơ thẩm và bổ sung phần căn cứ khi quyết định hình phạt theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C và Trương Hoài N, tại phiên tòa có xuất trình xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là động chính trong gia đình; riêng bị cáo Trương Hoài N đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung nộp vào ngân sách Nhà nước; là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được xem xét.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Xét, các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C và Trương Hoài N đều bị xử phạt mức án dưới 03 (ba) năm tù, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, bản thân là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng và trong thời gian được tại ngoại chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật. Do đó, không cần thiết bắt các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có tác dụng của hình phạt đối với từng bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N là có cơ sở nên được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L không được chấp nhận nên buộc các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành L và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N và sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

+Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Phạm Thọ Thanh B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018.

+Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018.

+Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; các khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc C 01 (một) năm về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc C cho Ủy ban nhân dân xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: bị cáo Trương Hoài N (tên gọi khác: Kinh) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Hoài N cho Ủy ban nhân dân xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo Nguyễn Văn P Nguyễn Ngọc C, Trương Hoài N chấp hành hình phạt tù của bản án.

Ghi nhận bị cáo Trương Hoài N đã nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước theo biên lai thu tiền số AA/2018/0013239 ngày 12/7/2019 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

+Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Phạm Thọ Thanh B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành L, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C và Trương Hoài N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc C và Trương Hoài N).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện BC (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA huyện BC; (2)
- TAND huyện BC; (2)
- Công an huyện BC; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (30) (4)

Nguyễn Tuấn Anh